

Bản án số: **39/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 30/11/2017

V/v: *Ly hôn*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lý Kế Hiền

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Bà Trần Thị Oanh
2. Ông Trần Quốc Sơn

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Phương Liên – Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên toà: Bà Phan Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 30/11/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 342/2017/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2017, về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21/11/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Phan Minh T SN: 1983
- Bị đơn: Chị Nguyễn Như Quỳnh T SN 1987

Cùng địa chỉ: P1410 CT5, NĐ3 khu Mỹ Đình 2, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

(Có mặt anh T, chị T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/8/2017, bản tự khai và các biên bản hòa giải, trong quá trình xét xử, Nguyên đơn là anh Lê Phan Minh T trình bày: Vợ chồng anh trước khi kết hôn có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 22/01/2013 tại UBND xã Mỹ Đình nay là phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm. Vợ chồng sống không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau tình cảm ngày

càng xa cách không thể dung hòa. Hiện nay vợ chồng tôi sống ly thân từ tháng 8 năm 2017 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Ngày 19.10.2016 anh đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn chị T, tại phiên hòa giải thẩm phán phân tích anh đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ nhưng cho đến nay tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị T và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị T.

- *Về con chung*: Vợ chồng anh có 1 con chung cháu tên là Lê Bảo Nam SN: 10/6/2013. Ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị T nuôi con, anh cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000đ/tháng. Hiện nay anh đang làm nhân viên phần mềm thu nhập mỗi tháng 10.000.000đ/tháng.

- *Tài sản, vay nợ chung*: Vợ chồng có tài sản chung nhưng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Nguyễn Như Quỳnh T trình bày. Về điều kiện kết hôn và thời gian kết hôn như anh T trình bày là đúng. Lý do mâu thuẫn anh T khai là đúng.

Nay anh T xin ly hôn chị không đồng ý ly hôn anh T vì chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn với anh T, chị muốn con chị có cả cha lẫn mẹ nuôi dạy con chung khôn lớn.

- *Về con chung*: Anh, chị có một con chung như anh T khai là đúng. Ly hôn chị đồng ý nhận nuôi con chung là Lê Bảo Nam SN: 10/6/2013. Chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung 10.000.000đ/tháng.

- *Tài sản, vay nợ chung*: Vợ chồng có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Anh Lê Phan Minh T vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên.

- Chị Nguyễn Như Quỳnh T đề nghị Tòa hòa giải vợ chồng đoàn tụ cho dù mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được và cứ duy trì cuộc sống như hiện nay là được. Chị muốn con có cả bố, mẹ tiếp tục nuôi dạy con chung cho đến khi cháu Nam đi học lớp 1 thì Chị mới đồng ý ly hôn anh. Chị xin rút yêu cầu anh T đóng góp nuôi con 10.000.000đ/tháng. Chị không yêu cầu mức đóng góp nuôi con cụ thể mà anh T cho con bao nhiêu là tùy anh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 28; 68; 195; 196; 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70; 71; 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 81; 82; 83 – Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Lê Phan Minh T đối với chị Nguyễn Như Quỳnh T. Anh Lê Phan Minh T được ly hôn chị Nguyễn Như Quỳnh T. Về con chung: Giao cho chị T nuôi cháu Lê Bảo Nam SN: 10/6/2013, anh T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn đã nộp đơn và các chứng cứ đúng quy định quy định. Tranh chấp của vụ án là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình – Theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của anh Lê Phan Minh T:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lê Phan Minh T và chị Nguyễn Như Quỳnh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 22.01.2013 tại UBND xã Mỹ Đình nay là phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án anh T, chị T đều khẳng định vợ chồng có mâu thuẫn không có tiếng nói chung không ai quan tâm đến ai anh T xin ly hôn nhưng chị T không đồng ý ly hôn với lý do vợ chồng sống chung để cùng chăm sóc con chung. Đây không phải là lý do chính đáng nên không được chấp nhận. 01/12/2016 anh T đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án Nam Từ Liêm nhưng sau đó Anh rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng vẫn không hàn gắn được mâu thuẫn vợ chồng. Chị T xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì hàn gắn quan hệ vợ chồng và thừa nhận vợ chồng vẫn ở chung một nhà nhưng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai việc ai người đó làm, không có tiếng nói chung trong mọi công việc, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng càng thêm sâu sắc, tình cảm vợ chồng không còn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng chị T không biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích không muốn ly hôn là vì con chung cần có cả bố và mẹ nuôi dạy con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị T đã thật sự trầm trọng, cả hai bên đều không thực hiện các nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có đủ căn cứ để chấp nhận đơn khởi kiện của anh T, cho anh T được ly hôn với chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: Vợ chồng anh T, chị T có một con chung là cháu Lê Bảo Nam SN: 10/6/2013. Ly hôn anh T đồng ý giao con chung cho chị T nuôi con, chị T cũng có nguyện vọng xin được nuôi cháu Lê Bảo Nam. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000đ/tháng. Tại các phiên hòa giải chị T đề nghị anh T đóng góp nuôi con chung 10.000.000đ/tháng. Tại phiên Tòa hôm nay chị T xin rút yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi với mức cụ thể. Việc anh T đóng góp bao nhiêu là tùy anh T.

Xét thấy: Việc anh T tự nguyện giao cháu Nam cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con của chị T. Việc anh T chị T thỏa thuận là chính đáng, thể hiện quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung là phù hợp với pháp luật nên chấp nhận giao cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Bảo Nam sau khi ly hôn nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị T xin rút yêu cầu mức đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên được chấp nhận. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000đ/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh T và chị T có tài sản chung, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

[3] *Về án phí*: Anh Lê Phan Minh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điểm a Khoản 5 và Điểm a khoản 6 Điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng*: Khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, điều 273, 275 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điểm a Khoản 5, Điểm a Khoản 6 Điều 27 - Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Phan Minh T:

Cho anh Lê Phan Minh T được ly hôn với chị Nguyễn Như Quỳnh T;

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Như Quỳnh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Bảo Nam SN: 10/6/2013. Anh Lê Phan Minh T cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000đ/tháng. (Bốn triệu đồng) kể từ tháng 12/2017 cho đến khi cháu Lê Bảo Nam tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Lê Phan Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T, chị T không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí: Anh Lê Phan Minh T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Anh T được trừ 300.000đ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007274 ngày 13/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm. Anh Lê Phan Minh T còn phải nộp tiếp 300.000đ án phí.

- Anh Lê Phan Minh T và chị Nguyễn Như Quỳnh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- TAND Tp. Hà Nội;
- VKS Q. Nam Từ Liêm,
- VKS Tp. Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Nam Từ Liêm;
- Các đương sự;
- UBND phường Mỹ Đình 1 để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

Lý Kế Hiền